

CHƯƠNG 2

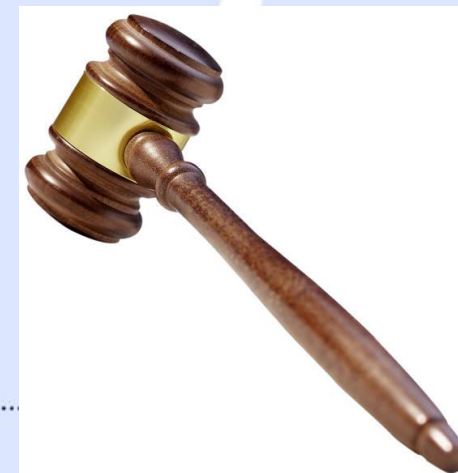
NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÁP LUẬT

CÁC CHỨNG NHẬN, KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ TẠI ĐẠI HỌC HOA SEN



Nội dung nghiên cứu

1. Nguồn gốc hình thành pháp luật theo quan điểm CN Mác – Lênin
2. Bản chất, đặc điểm, chức năng của pháp luật
3. Các kiểu pháp luật và các hình thức pháp luật
4. Quy phạm pháp luật
5. Quan hệ pháp luật
6. Các hình thức thực hiện pháp luật
7. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý



I. Nguồn gốc, khái niệm pháp luật

CÁC CHỨNG NHẬN, KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ TẠI ĐẠI HỌC HOA SEN



1. Nguồn gốc pháp luật

2. Khái niệm pháp luật



1. Nguồn gốc pháp luật

1.1. Quan điểm phi Mácxít về nguồn gốc pháp luật

- ❑ Thuyết thần học: PL cũng như NN là do Chúa trời, Thượng đế, Đấng tối cao đặt ra.
- ❑ Thuyết pháp luật tự nhiên: pháp luật là tổng thể những quyền của con người tự nhiên sinh ra mà có
- ❑ Thuyết pháp luật linh cảm: pháp luật là những linh cảm của con người về những cách xử sự hợp lý

→ Nhìn chung, đều thể hiện quan điểm duy tâm, không khoa học và phản tiến bộ.

1. Nguồn gốc pháp luật

1.2. Quan điểm Mác - Lênin về nguồn gốc pháp luật

- *Nhà nước và pháp luật là hai hiện tượng lịch sử cơ bản nhất của đời sống chính trị xã hội; cùng xuất hiện, cùng tồn tại và phát triển, và cùng tiêu vong.*
- Nguyên nhân dẫn đến sự ra đời của Nhà nước cũng chính là những nguyên nhân làm xuất hiện pháp luật:
 - + Cơ sở kinh tế: xuất hiện chế độ chiếm hữu tư nhân
 - + Cơ sở xã hội: xuất hiện giai cấp và mâu thuẫn giai cấp không thể điều hòa được

1. Nguồn gốc pháp luật

1.3. Con đường hình thành pháp luật

Về cơ bản, PL được hình thành thông qua 3 con đường:

TẬP QUÁN PHÁP

G/cấp thống trị giữ lại những tập quán có lợi cho mình, biến đổi sao cho phù hợp → trở thành những quy tắc xử sự chung cho toàn xã hội

TIỀN LỆ PHÁP

Sử dụng các quyết định của CQ hành chính, CQ tư pháp về những vụ việc điển hình → có giá trị pháp lý bắt buộc để g/quyết những vụ việc tương tự.

VĂN BẢN PHÁP LUẬT DO NN BAN HÀNH
NN ban hành các VBPL để điều chỉnh các quan hệ xã hội mới nảy sinh trong thực tế mà trước kia không có

**PHÁP
LUẬT**



CÁC CHỨNG NHẬN, KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ TẠI ĐẠI HỌC HO.

8

MOET
ACCREDITED
HỆ THỐNG CHẤT LƯỢNG
GIÁO DỤC QUỐC GIA

QS STARS[™]
RATING SYSTEM
★★★★★

UN-QA
ACCREDITED

ACBSP
ACCREDITED

FIBAA

NEAS
ACCREDITED

BEYOND
BOUNDARIES
WITHIN hearts

2. Khái niệm pháp luật

2.1. Định nghĩa

2.2. Các thuộc tính của pháp luật



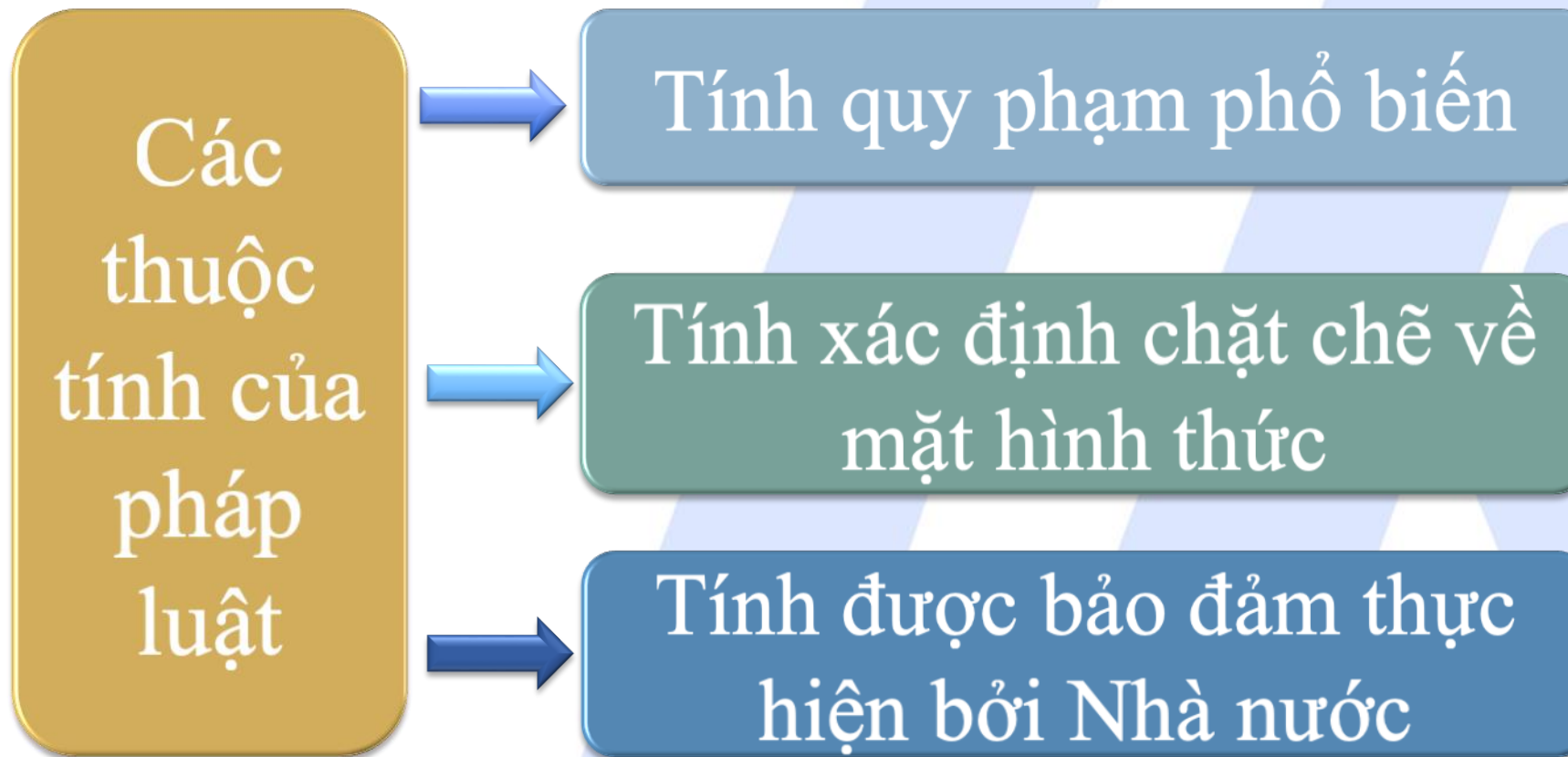
2. Khái niệm pháp luật

2.1. Định nghĩa

Pháp luật là *hệ thống các quy tắc xử sự chung do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận và đảm bảo thực hiện*, thể hiện ý chí của giai cấp thống trị nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội phát triển phù hợp với lợi ích của giai cấp mình.

2. Khái niệm pháp luật

2.2. Các thuộc tính của pháp luật



2. Khái niệm pháp luật

a/ Tính quy phạm phổ biến (hay tính bắt buộc chung)

Tính quy phạm phổ biến



Bắt buộc các chủ thể thuộc phạm vi điều chỉnh phải tuân theo những xử sự do luật định

- “Lá lành đùm lá rách”

(Thành ngữ - Tục ngữ Việt Nam)

- “Mọi tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của luật”

(Điều 5 Luật Quản lý thuế 2019)

- “Người tham gia giao thông phải đi bên phải theo chiều đi của mình” (Điều 9 Luật Giao thông đường bộ).
- “Bà con giáo dân đi lễ nhà thờ vào thứ 7”

2. Khái niệm pháp luật

b/ Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức

Chặt chẽ về
hình thức
pháp lý



- PL phải tồn tại dưới dạng văn bản với những tên gọi nhất định.
- Những văn bản này do những CQNN có thẩm quyền nhất định ban hành.
- Quy định trên đều được thể hiện trong các VBQPPL.

Chặt chẽ về
hình thức
cấu trúc



- Lời văn trong VBPL phải rõ ràng, chính xác, đầy đủ, không hình tượng, không đa nghĩa.
- Cấu trúc của VBPL được mẫu hóa do CQNN có thẩm quyền quy định.

Theo quy định tại **Điều 4 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015** thì:

- Quốc Hội ban hành Hiến pháp, Luật, Nghị quyết;
- Chủ tịch nước ban hành Lệnh, Quyết định;
- Chính phủ ban hành Nghị định.

Rõ ràng, chính xác, đầy đủ

- “*Tổ chức, cá nhân kinh doanh bất động sản phải thành lập doanh nghiệp hoặc hợp tác xã (sau đây gọi chung là doanh nghiệp) và có vốn pháp định không được thấp hơn 20 tỷ đồng, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.*”

(Điều 10 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014)

Không hình tượng

“Tiền trao, cháo múc”

(Thành ngữ - Tục ngữ Việt Nam).

*“Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng
và nhận hàng theo thỏa thuận.”*

(Điều 50 Luật Thương mại 2005).

- “Tổ chức tín dụng bao gồm ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô và quỹ tín dụng nhân dân”.

(Khoản 1 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng).

- “Thành viên của Hội chim cảnh Hà Nội phải có một trong các loại chim sau: chim khuyên, chim sẻ, chim chào mào, chim họa mi...”

(Điều lệ Hội chim cảnh Hà Nội)

2. Khái niệm pháp luật

c/ Tính được bảo đảm thực hiện bởi Nhà nước



- “Người nào sản xuất trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù 02 đến 07 năm”

(Điều 248 BLHS năm 2015)

- “Tùy theo mức độ, tính chất vi phạm khuyết điểm của cán bộ, đoàn viên mà áp dụng một trong các hình thức kỷ luật: khiển trách, cảnh cáo, cách chức hoặc khai trừ.”

(Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh)

Xác định quy phạm PL

1. “Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ”
2. “Đảng viên có trách nhiệm sinh hoạt đảng và đóng đảng phí đúng quy định”
3. “Bên bán có nghĩa vụ giao tài sản cho bên mua và nhận tiền, còn bên mua có nghĩa vụ nhận tài sản và trả tiền cho bên bán.”
4. “Công chức Viện kiểm sát nhân dân tối cao mặc đồng phục ngành vào thứ 2 hàng tuần”
5. “Người dân thành phố Hà Nội tích cực ủng hộ bầu chọn Vịnh Hạ Long là kỳ quan thiên nhiên mới của thế giới”

Các chủ đề tranh luận

- Pháp luật có phải là công cụ bảo vệ quyền lợi của công dân hay chỉ là công cụ kiểm soát xã hội?
- Đạo đức có nên trở thành một phần của pháp luật hay không?
- Pháp luật có thể ngăn chặn hành vi sai trái trong xã hội không?
- Hình phạt tử hình có còn phù hợp trong hệ thống pháp luật hiện đại không?
- Pháp luật có thể hoàn toàn công bằng và khách quan không?

II. Bản chất, chức năng của pháp luật

CÁC CHỨNG NHẬN, KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ TẠI ĐẠI HỌC HOA SEN



II. BẢN CHẤT, CHỨC NĂNG CỦA PL

- Bản chất của pháp luật
- Chức năng của pháp luật
- Các mối liên hệ của pháp luật



1. Bản chất của pháp luật

1.1. Tính giai cấp của pháp luật

- ❑ Pháp luật phản ánh ý chí của Nhà nước, của giai cấp thống trị.
- ❑ Pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội, định hướng cho các quan hệ xã hội đó phát triển theo những đường lối phù hợp với lợi ích của giai cấp thống trị.



1. Bản chất của pháp luật

1.2. Vai trò xã hội của pháp luật

- Pháp luật vừa là sự thể hiện ý chí của và bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị *vừa là công cụ ghi nhận, bảo vệ lợi ích của các tầng lớp khác trong xã hội.*
- PL vừa là thước đo của hành vi con người, vừa là công cụ kiểm nghiệm các quá trình, các hiện tượng xã hội, là công cụ để nhận thức xã hội và điều chỉnh các quan hệ xã hội.

2. Chức năng của pháp luật

Chức năng điều chỉnh

Pháp luật ghi nhận các quan hệ chủ yếu trong xã hội; pháp luật đảm bảo cho sự phát triển của các quan hệ xã hội.

Chức năng bảo vệ

PL bảo vệ các quan hệ xã hội bằng cách áp dụng các QP bảo vệ theo trình tự thủ tục pháp lý nhất định đối với các hành vi VP

Chức năng giáo dục

Tác động vào ý thức và từ ý thức đó đến hv của con người, hướng cho hv của con người phù hợp với yêu cầu của các quy định PL.

3. Các mối liên hệ của pháp luật

3.1. Pháp luật với kinh tế

Pháp luật lệ thuộc vào kinh tế:

- + Cơ cấu nền KT, hệ thống KT quyết định t/phần, cơ cấu của HTPL.
- + Tính chất, nội dung của các QHKT, của cơ chế KT quyết định tính chất, nội dung các QHPL, tính chất phương pháp điều chỉnh PL.
- + Các tổ chức và thiết chế pháp lý (các cơ quan lập pháp, các thủ tục pháp lý) chịu ảnh hưởng quyết định từ phía chế độ KT.

Pháp luật tác động tới kinh tế

- + Pháp luật ban hành phù hợp với các quy luật kinh tế - xã hội
→ tác động tích cực đến quá trình phát triển của kinh tế.
- + Pháp luật không phù hợp → kìm hãm sự phát triển của toàn nền kinh tế hoặc 1 bộ phận nào đó của nền kinh tế.

3. Các mối liên hệ của pháp luật

3.2. Pháp luật và nhà nước

- PL và NN là 2 yếu tố trong kiến trúc thượng tầng, đều là phương tiện của quyền lực chính trị; có chung nguồn gốc, điều kiện phát sinh, phát triển, tồn tại và tiêu vong.
- Bản chất của NN sẽ quyết định bản chất của PL, tương ứng với một kiểu, hình thức NN sẽ có một kiểu, hình thức pháp luật.
- Giữa NN và PL có sự độc lập tương đối ở chỗ: khi NN ban hành ra PL, NN ngoài tính đến lợi ích của gc t/trị còn phải tính đến lợi ích của các gc, tầng lớp khác.

3. Các mối liên hệ của pháp luật

3.3. Pháp luật với chính trị

- ❑ Pháp luật vừa là biện pháp, phương tiện để thực hiện chính trị của giai cấp cầm quyền, vừa là biểu hiện của chính trị, ghi nhận các yêu cầu và nội dung chính trị của giai cấp cầm quyền.
- ❑ Chính trị là sự thể hiện mối quan hệ giữa các giai cấp và tầng lớp, lực lượng khác nhau trong xã hội → PL không chỉ phản ánh chính sách kinh tế mà còn thể hiện các quan hệ giai cấp và mức độ đấu tranh giai cấp.

3. Các mối liên hệ của pháp luật

3.4. Mối quan hệ giữa PL với các quy phạm xã hội khác

- Để điều chỉnh các quan hệ xã hội ngoài PL còn có nhiều quy phạm xã hội khác như: quy phạm đạo đức, tập quán, tôn giáo, quy phạm của các tổ chức xã hội... → quy phạm PL chỉ là 1 trong nhiều quy phạm xã hội được dùng để điều chỉnh các quan hệ xã hội.
- Giữa pháp luật và các quy phạm xã hội khác có mối liên hệ mật thiết bổ trợ cho nhau; các quy phạm khác muốn tồn tại thì phải phù hợp với PL, nếu trái sẽ bị hủy bỏ; quy phạm xã hội trong 1 chừng mực được coi là nguồn của PL.

III. KIỂU VÀ HÌNH THỨC PHÁP LUẬT

CÁC CHỨNG NHẬN, KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ TẠI ĐẠI HỌC HOA SEN



- Kiểu pháp luật là gì?
- Các kiểu pháp luật trong lịch sử
- Hình thức pháp luật là gì
- Hình thức pháp luật bên trong và bên ngoài của pháp luật



1. KIỂU PHÁP LUẬT

1.1. Định nghĩa

Kiểu pháp luật là tổng thể các dấu hiệu, đặc điểm cơ bản của pháp luật, thể hiện bản chất giai cấp và những điều kiện tồn tại và phát triển của pháp luật trong một hình thái kinh tế xã hội.

1. KIỂU PHÁP LUẬT

1.2. Các kiểu pháp luật trong lịch sử

Căn cứ để phân loại các kiểu pháp luật:

- ❑ Pháp luật ấy ra đời và tồn tại trên cơ sở kinh tế nào? Do quan hệ sản xuất nào quyết định?
- ❑ Pháp luật thể hiện ý chí của giai cấp nào? Bảo vệ và củng cố quyền lợi của giai cấp nào?

Pháp
luật
Chủ nô

Pháp
luật
Phong
kiến

Pháp
luật Tư
sản

Pháp
luật
XHCHN

- Công khai bảo vệ và củng cố quyền tư hữu của chủ nô đối với tư liệu sản xuất và nô lệ;
- Ghi nhận và củng cố tình trạng bất bình đẳng trong xã hội;
- Ghi nhận sự thống trị tuyệt đối của người gia trưởng trong quan hệ gia đình;
- Quy định những hình phạt hà khắc.

Pháp luật Phong kiến

- Bảo vệ chế độ tư hữu của giai cấp phong kiến với đất đai và chế độ bóc lột địa tô;
- Thừa nhận sự phân tầng đẳng cấp trong xã hội; thể hiện đặc quyền vua chúa;
- Sử dụng tùy tiện bạo lực; pháp luật hà khắc, dã man, nhiều quy định mang tính chất tôn giáo, đạo đức phong kiến.

- Bảo vệ chế độ tư hữu tư sản và chế độ bóc lột lao động làm thuê, ghi nhận và bảo vệ sự thống trị về tư tưởng của giai cấp tư sản;
- Thừa nhận quyền tự do dân chủ của công nhân nhưng chỉ mang tính hình thức;
- Tuyên bố nguyên tắc tự do hợp đồng nhưng chỉ là hình thức; thể hiện nguyên tắc pháp chế;
- Phát triển về trình độ lập pháp, nội dung, phạm vi điều chỉnh...

Pháp luật Xã hội chủ nghĩa

- Từng bước xây dựng một chế độ sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất;
- Thể hiện ý chí của đa số nhân dân lao động trong xã hội;
- Hạn chế dần và đi đến xóa bỏ bóc lột, xây dựng một xã hội công bằng, bình đẳng, đảm bảo cho mọi công dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, tất cả vì giá trị của con người.

2. HÌNH THỨC PHÁP LUẬT

2.1. Định nghĩa

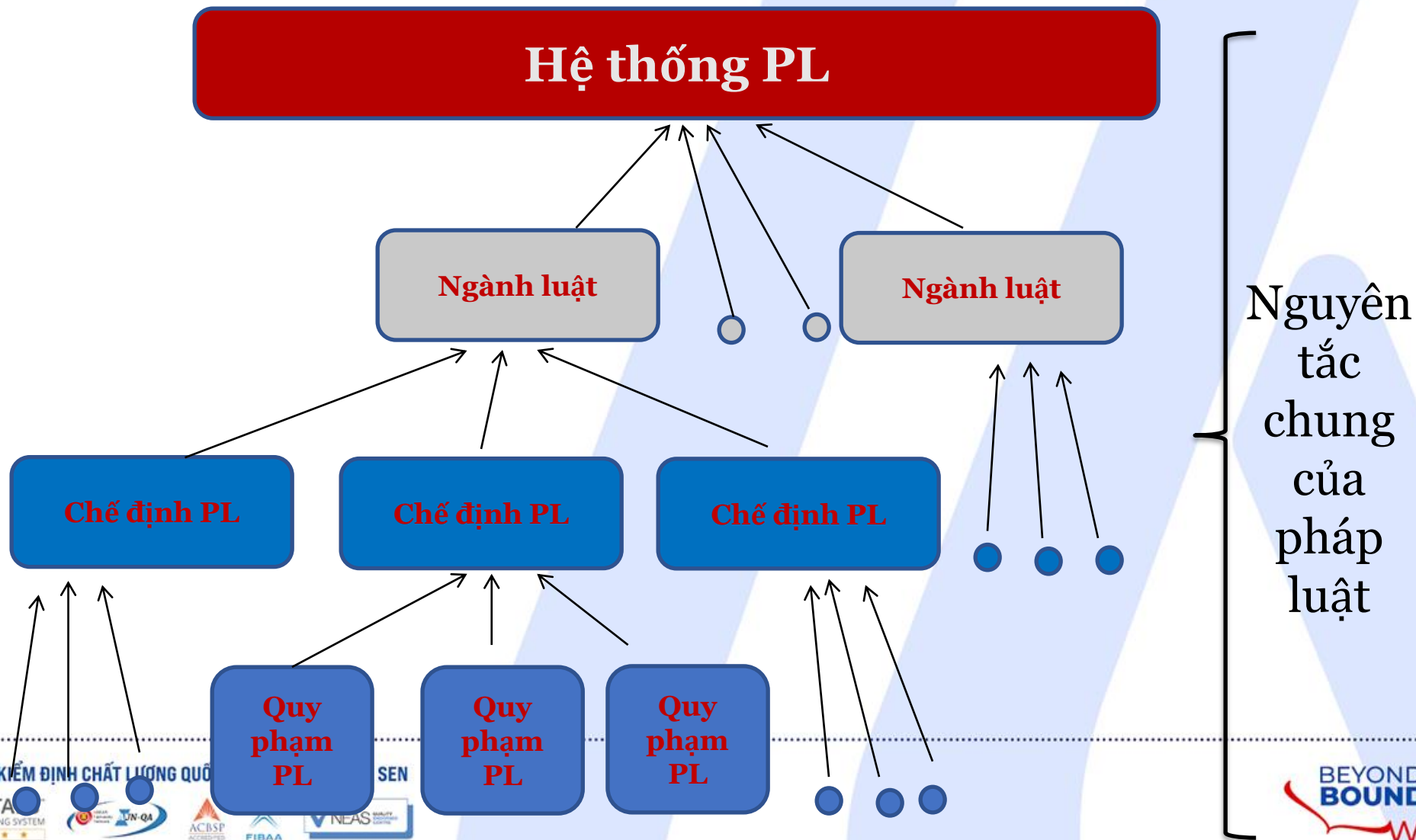
Hình thức pháp luật là sự biểu hiện ra bên ngoài của pháp luật, đồng thời nó cũng là phương thức tồn tại, dạng tồn tại thực tế của pháp luật.

Hình thức của pháp luật có 2 dạng: hình thức bên trong của pháp luật (cấu trúc của PL) và hình thức bên ngoài của pháp luật (nguồn của PL).

Hình thức bên trong của pháp luật bao gồm:

- ❑ Các nguyên tắc chung của pháp luật
- ❑ Hệ thống pháp luật
- ❑ Ngành luật
- ❑ Chế định pháp luật
- ❑ Quy phạm pháp luật

Hình thức bên trong của PL



Hình thức bên trong của PL

***Các nguyên tắc chung của pháp luật** là những tư tưởng cơ bản chỉ đạo toàn bộ hoạt động xây dựng và thực hiện PL của NN và công dân, tư tưởng xuyên suốt nội dung của hệ thống PL.*

- VD: - Nguyên tắc tất cả quyền lực NN thuộc về nhân dân;
- Nguyên tắc nhân đạo; nguyên tắc công bằng;
 - Nguyên tắc thống nhất giữa các quyền và nghĩa vụ;
 - Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa...

Hình thức bên trong của PL

Hệ thống pháp luật là một chỉnh thể thống nhất các bộ phận hợp thành (ngành luật, chế định luật, quy phạm PL) mang những đặc điểm, nội dung đặt trên cơ sở những nguyên tắc thống nhất của pháp luật 1 quốc gia.

- VD: - Hệ thống pháp luật Châu Âu lục địa (Civil Law),
- Hệ thống pháp luật Anh – Mỹ (Common Law),
 - Hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Ngành luật là hệ thống các quy phạm pháp luật điều chỉnh 1 lĩnh vực các quan hệ xã hội nhất định với những phương hướng đặc thù.

VD: Ngành Luật Dân sự; ngành Luật Hình sự...

Hình thức bên trong của PL

Chế định pháp luật là hệ thống các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội cùng loại trong cùng một ngành luật.

VD: - Chế định hợp đồng, thừa kế, tài sản... (dân sự)
- Chế định hình phạt, các biện pháp tư pháp, các tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia... (hình sự)

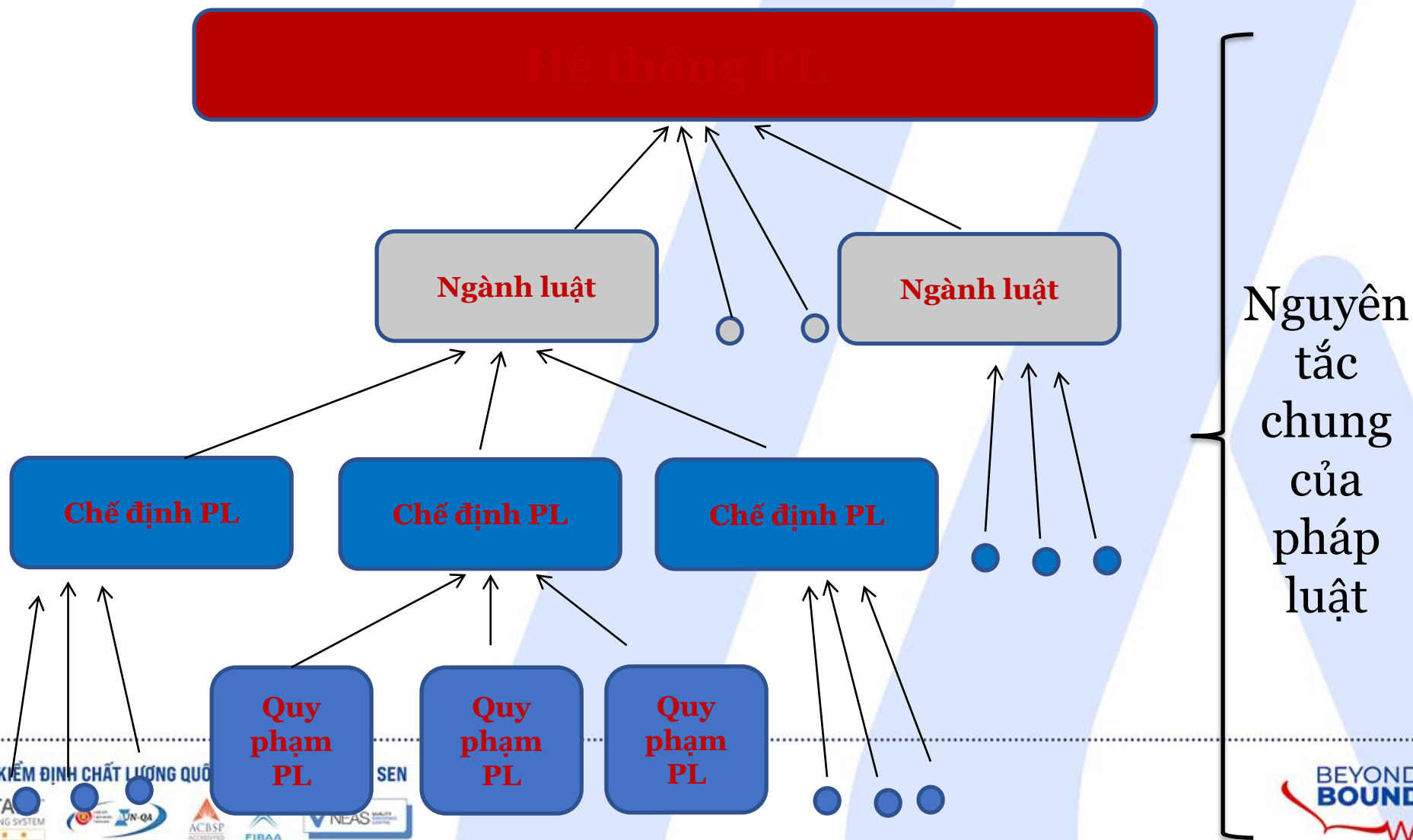
Hình thức bên trong của PL

***Quy phạm pháp luật** là những quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung do NN đặt ra hoặc thừa nhận; là bộ phận cấu thành nhỏ nhất của hệ thống pháp luật.*

VD: - Cá nhân có quyền lập di chúc để định đoạt tài sản của mình (Điều 609 Bộ luật Dân sự năm 2015).

- Người nào vô ý làm chết người, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. (Khoản 1 Điều 128 Bộ luật hình sự năm 2015).

Hình thức bên trong của PL



Hình thức bên ngoài của PL

Hình thức bên ngoài của PL là cái chứa đựng các quy phạm pháp luật, là sự thể hiện ra bên ngoài, dạng tồn tại trong thực tế của QPPL, còn gọi là nguồn của PL.

Hình thức bên ngoài của PL hay còn gọi là nguồn của PL vì các QPPL có các nguồn gốc hình thành từ:

- ☐ Tập quán
- ☐ Tiền lệ xét xử
- ☐ Văn bản quy phạm pháp luật

*** Pháp luật tập quán (Tập quán pháp)**

Pháp luật tập quán là quy tắc xử sự hình thành và tồn tại qua nhiều đời, được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, phù hợp với ý chí của giai cấp thống trị trong xã hội và được nhà nước thừa nhận với tư cách là hình thức của pháp luật.

Pháp luật tập quán phổ biến trong nhà nước chiếm hữu nô lệ và phong kiến là “ăn miếng, trả miếng”, “nợ máu, trả máu”, “thừa kế ngai vàng”...

*** Pháp luật tập quán (Tập quán pháp)**

Tập quán pháp là hình thức của pháp luật được sử dụng phổ biến trong các nhà nước chủ nô, nhà nước phong kiến. Trong xã hội hiện đại, hình thức tập quán pháp vẫn được nhiều nước sử dụng, nhất là các nước theo chính thể quân chủ, thậm chí cả những nước có trình độ phát triển cao về kinh tế, pháp luật.

*** Pháp luật tập quán (Tập quán pháp)**

Đối với Việt Nam, có nhiều dân tộc, sắc tộc khác nhau (54 dân tộc, sắc tộc), các vùng, miền có sự phát triển chênh lệch về kinh tế, văn hóa, xã hội, từ lâu đã có những truyền thống tập quán khác nhau thì việc chọn lọc, thừa nhận các tập quán, đem lại cho nó một giới hạn hiệu lực pháp lý nhất định, trong một trật tự hiệu lực pháp lý nghiêm ngặt do Nhà nước xác lập là một điều cần thiết.

Khoản 2, Điều 26 Bộ luật Dân sự năm 2015

Họ của cá nhân được xác định là họ của cha đẻ hoặc họ của mẹ đẻ theo thỏa thuận của cha mẹ; nếu không có thỏa thuận thì họ của con được xác định theo tập quán. Trường hợp chưa xác định được cha đẻ thì họ của con được xác định theo họ của mẹ đẻ.

**** Án lệ: (pháp luật án lệ, tiền lệ án)***

Bản án đã tuyên hoặc một sự giải thích, áp dụng pháp luật được coi như một tiền lệ làm cơ sở để các thẩm phán sau đó có thể áp dụng trong các trường hợp tương tự.

Thuật ngữ án lệ có nguồn gốc Latinh được hiểu là việc có trước, xảy ra trước hay cách thức xử lý một tình huống nhất định, được xem như một mẫu mực cho những tình huống tương tự về sau. Ở nước Anh và các nước theo hệ thống thông luật (common law), án lệ được coi là một nguồn quan trọng của pháp luật, không kém văn bản quy phạm pháp luật.

*** Văn bản quy phạm pháp luật**

Đây cũng là hình thức của pháp luật ra đời từ rất sớm, ngay trong các nhà nước nô lệ, phong kiến. Bộ luật La Mã cổ đại, Luật Hồng Đức (Quốc triều hình luật) của Việt Nam là những văn bản quy phạm pháp luật điển hình.

CÁC CHỨNG NHẬN, KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ TẠI ĐẠI HỌC HOA SEN



www.themegallery.com

Company Logo



Bộ luật này gồm 722 Điều, được chia làm 13 Chương

Tại Điều 89: “*Trước sau ngày hoàng đế lên ngôi một tháng, cấm các nhà ở trong kinh thành cử hành việc tang, người nào phạm phải thì phạt 50 roi*”

Như tại Điều 586 có ghi: “*Trâu của 2 nhà đánh nhau, con nào chết thì 2 nhà cùng ăn thịt, con nào sống thì 2 nhà cùng cày, trái luật thì sẽ xử phạt 80 trượng*”.

*** Văn bản quy phạm pháp luật**

Văn bản quy phạm pháp luật là một trong hai loại văn bản pháp luật, do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo trình tự, thủ tục luật định, trong đó có chứa đựng các quy tắc xử sự chung, làm khuôn mẫu cho xử sự của các chủ thể pháp luật, được áp dụng nhiều lần cho nhiều chủ thể pháp luật trong một khoảng thời gian và không gian nhất định nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội theo một trật tự nhất định mà nhà nước muốn xác lập.

* Văn bản quy phạm pháp luật

Gồm những loại nào ?

CÁC CHỨNG NHẬN, KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ TẠI ĐẠI HỌC HOA SEN



www.themagallery.com

Company Logo



*** Văn bản quy phạm pháp luật**

Văn bản quy phạm pháp luật được chia làm hai loại là văn bản luật và văn bản dưới luật.

➔ Văn bản luật là văn bản có hiệu lực pháp lý cao nhất, bao gồm: Hiến pháp - đạo luật cơ bản của nhà nước, các luật, các bộ luật và các nghị quyết có chứa quy phạm pháp luật của Quốc hội

* Văn bản quy phạm pháp luật

➔ Các văn bản dưới luật:

1. Pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội.
2. Lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.
3. Nghị định của Chính phủ.
4. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
5. Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

6. Thông tư của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.
7. Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.
8. Quyết định của Tổng Kiểm toán Nhà nước.
9. Nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban thường vụ Quốc hội hoặc giữa Chính phủ với cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội.
10. Thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; giữa các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.
11. Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân.

Những văn bản nào sau đây là văn bản quy phạm pháp luật?

1. Nghị quyết của thành ủy về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động xuất bản trên địa bàn thành phố từ năm 2010 đến 2020.
2. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra chuyên ngành văn hóa tỉnh X về hành vi trích dẫn tác phẩm của người khác đưa vào tác phẩm của mình mà không đề tên tác giả và nguồn gốc tác phẩm.
3. Thông báo của giám đốc Sở VH TT & DL về việc tăng phụ cấp cho cán bộ quản lý văn hóa có điều kiện khó khăn trên địa bàn thành phố HCM.
4. Xuất bản bản đồ thể hiện sai chủ quyền quốc gia thì phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng (Nghị định 75/2010/NĐ-CP).

Những dấu hiệu nào nhận biết văn bản quy phạm pháp luật?



CÁC CHỨNG NHẬN, KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ TẠI ĐẠI HỌC HOA SEN



www.themegallery.com

Company Logo



Dấu hiệu của văn bản quy phạm pháp luật:

- Nó là văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.
- Chỉ có văn bản quy phạm pháp luật mới có các quy tắc xử sự chung, tức quy phạm pháp luật.

- Văn bản quy phạm pháp luật là hình thức so với hình thức tập quán pháp và tiền lệ pháp, nó có các ưu điểm sau đây:

+ *Thứ nhất, sự xuất hiện và vai trò quan trọng của nó trong việc điều chỉnh* quan hệ xã hội là một biện pháp, yếu tố đề cao và củng cố cơ quan lập pháp, tức cơ quan có thẩm quyền ban hành do nhân dân trực tiếp thành lập đại diện cho ý chí, quyền lực và lợi ích của nhân dân.

+ Thứ hai, quy trình ban hành, cơ chế kiểm tra, giám sát chặt chẽ, việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ linh hoạt, trình độ kỹ thuật văn bản cao.

+ Thứ ba, nó là yếu tố quyết định trong việc thiết lập trật tự và pháp chế trong tổ chức, quản lý xã hội và nhà nước; trong định hướng sự phát triển.

CÁC LOẠI VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT Ở VN

Loại VB	CƠ QUAN BAN HÀNH	TÊN VĂN BẢN
VĂN BẢN LUẬT	Quốc hội	Hiến pháp Luật; Nghị quyết
VĂN BẢN DƯỚI LUẬT	Ủy ban thường vụ Quốc Hội Chủ tịch nước Chính phủ Thủ tướng chính phủ Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ Hội đồng thẩm phán TANDTC Chánh án TANDTC, Viện trưởng VKSNDTC Giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ; Bộ, cơ quan ngang Bộ - TANDTC, VKSNDTC; TANDTC-VKSNDTC, CQNN có thẩm quyền – Tổ chức chính trị- xã hội Hội đồng nhân dân Ủy ban nhân dân	Lệnh, quyết định Nghị quyết, nghị định Quyết định, chỉ thị Quyết định, chỉ thị, thông tư Nghị quyết Quyết định, chỉ thị, thông tư Nghị quyết, thông tư liên tịch Nghị quyết Quyết định, chỉ thị

IV. QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CÁC CHỨNG NHẬN, KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ TẠI ĐẠI HỌC HOA SEN



- Quy phạm pháp luật là gì?
- Cấu trúc của quy phạm pháp luật?
- Các xác định các bộ phận trong 1 quy phạm pháp luật?



1. KHÁI NIỆM

1.1. ĐỊNH NGHĨA

Quy phạm pháp luật là những quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận thể hiện ý chí và bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị.

1.2. ĐẶC ĐIỂM CỦA QUY PHẠM PHÁP LUẬT

QPPL là một loại quy phạm xã hội, vì vậy nó mang đầy đủ những đặc tính chung vốn có của quy phạm xã hội:

- Là quy tắc xử sự chung
- Là khuôn mẫu để mọi người làm theo
- Là tiêu chuẩn để xác định giới hạn và đánh giá hành vi của con người

1.2. ĐẶC ĐIỂM CỦA QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Ngoài ra, QPPL còn có những đặc điểm riêng:

- QPPL thể hiện ý chí của NN
- QPPL có tính phổ biến và bắt buộc chung
- QPPL có tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức
- QPPL do cơ quan NN ban hành và đảm bảo thực hiện

2. CẤU TRÚC CỦA QUY PHẠM PL

GIẢ ĐỊNH

QUY ĐỊNH

CHẾ TÀI

QUY
PHẠM
PHÁP
LUẬT

2. CẤU TRÚC CỦA QUY PHẠM PL

2.1. GIẢ ĐỊNH

Là bộ phận của QPPL quy định địa điểm, thời gian, chủ thể, hoàn cảnh, tính huống có thể xảy ra trong thực tế mà nếu tồn tại thì phải hành động theo quy tắc mà quy phạm đặt ra.

Nhân biết: Phần giả định trả lời cho câu hỏi:

- + Ai?
- + Khi nào?
- + Điều kiện hoàn cảnh nào?

□ Điều 29 Luật Hôn nhân và gia đình 2014

“Vợ, chồng bình đẳng với nhau về quyền, nghĩa vụ trong việc tạo lập, chiếm hữu, sử dụng tài sản chung ”

→ Ai?

“Vợ chồng bình đẳng với nhau về quyền, nghĩa vụ trong việc tạo lập, chiếm hữu, sử dụng tài sản chung ”

□ Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình 2014

“Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở”

→ Ai? Khi nào?

“Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở”

VÍ DỤ 3

□ Khoản 3 Điều 24 Luật Hôn nhân và gia đình 2014

“Trong trường hợp cha mẹ còn sống nhưng không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chưa thành niên, con đã trưởng thành mất năng lực hành vi dân sự thì cha mẹ có thể cử người khác giám hộ cho con”

→ Ai? Điều kiện hoàn cảnh nào?

“Trong trường hợp cha mẹ còn sống nhưng không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chưa thành niên, con đã trưởng thành mất năng lực hành vi dân sự thì cha mẹ có thể cử người khác giám hộ cho con”

□ Khoản 2 Điều 655 Bộ luật dân sự 2015

“Trong trường hợp vợ, chồng xin ly hôn mà chưa được hoặc đã được Tòa án cho ly hôn bằng bản án hoặc quyết định chưa có hiệu lực pháp luật, nếu một người chết thì người còn sống vẫn được thừa kế di sản”

→ Điều kiện hoàn cảnh phức tạp?

- Vợ chồng xin ly hôn;
- Chưa được hoặc đã được Tòa án cho ly hôn bằng BA hoặc QĐ đã có hiệu lực PL;
- Nếu một người chết.

2. CẤU TRÚC CỦA QUY PHẠM PL

2.2. QUY ĐỊNH

Là bộ phận trung tâm của QPPL nêu lên những quy tắc xử sự mà mọi chủ thể phải tuân theo khi gặp hoàn cảnh đã nêu trong phần giả định của quy phạm pháp luật.

Quy định nêu lên những quyền và nghĩa vụ của các chủ thể của QHXXH.

Nhân biết: Phần quy định trả lời cho câu hỏi: Phải làm gì? Được hoặc không được làm gì? Làm như thế nào?

Bắt đầu bằng những từ ngữ: cấm, không được, được, phải, có, thì...

- Khoản 2 Điều 26 Luật giao thông 2008:

“Người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải cho xe chạy cách nhau một khoảng cách an toàn ghi trên biển báo hiệu.”

→ Quy định bắt buộc (Phải làm gì?)

“Người lái xe phải cho xe chạy cách nhau một khoảng an toàn”

□ Điều 39 Bộ luật dân sự 2015:

“Cá nhân có quyền kết hôn, ly hôn, quyền bình đẳng của vợ chồng, quyền xác định cha, mẹ, con, quyền được nhận làm con nuôi, quyền nuôi con nuôi và các quyền nhân thân khác trong quan hệ hôn nhân, quan hệ cha mẹ và con và quan hệ giữa các thành viên gia đình”.

→ Quy định cho phép (Được làm gì?)

“...có quyền kết hôn, ly hôn, quyền bình đẳng của vợ chồng, quyền xác định cha, mẹ, con, quyền được nhận làm con nuôi, quyền nuôi con nuôi và các quyền nhân thân khác...”

□ Khoản 3 Điều 87 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015:

“Cán bộ, công chức trong các cơ quan Tòa án, Kiểm sát, Công an không được làm người đại diện trong tố tụng dân sự, trừ trường hợp họ tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện cho cơ quan của họ hoặc với tư cách là người đại diện theo pháp luật”

→ Quy định cấm đoán (Không được làm gì?)

“.....không được làm người đại diện trong tố tụng dân sự....”

2. CẤU TRÚC CỦA QUY PHẠM PL

2.3. CHẾ TÀI

Là bộ phận của QPPL nêu lên những biện pháp tác động mà NN dự kiến áp dụng đối với chủ thể không thực hiện hoặc thực hiện không đúng mệnh lệnh của NN trong phần quy định của QPPL.

Nhân biết: Trả lời cho câu hỏi: Hậu quả sẽ như thế nào nếu vi phạm pháp luật, thực hiện không đúng mệnh lệnh đã nêu ở phần quy định?

□ Khoản 1 Điều 132 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

“Người nào thấy người khác đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng, tuy có điều kiện mà không cứu giúp dẫn đến hậu quả người đó chết thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm”

→ Hậu quả gì khi vi phạm PL hoặc thực hiện không đúng mệnh lệnh của NN?

“...bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm”

LƯU Ý KHI XÁC ĐỊNH

- ❑ Không phải lúc nào trong mọi trường hợp các QPPL đều có cả 3 bộ phận trên.
- ❑ Trường hợp ẩn quy định → không thấy quy định cụ thể nhưng khi đọc lên, ta thấy chúng chứa đựng các quy tắc xử sự chứ không quy định cụ thể.
- ❑ Trường hợp không có bộ phận chế tài → một số trường hợp chế tài này được quy định trong một chương riêng trong VBPL hoặc trong một VBPL khác.

Khoản 1 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng 2010, sửa đổi
bổ sung 2017:

*“Tổ chức tín dụng là doanh nghiệp thực hiện một, một
số hoặc tất cả các hoạt động ngân hàng.”*

□ Khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017:

“Người nào đe dọa giết người, nếu có căn cứ làm cho người bị đe dọa lo sợ rằng việc đe dọa này sẽ được thực hiện, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”

→ Quy tắc xử sự được chứa đựng trong quy phạm này là “cấm đe dọa giết người”

- 1. “Con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng” (Khoản 1, Điều 88, Luật Hôn nhân gia đình năm 2014)**
- 2. “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý” (Điều 9, Luật Hôn nhân gia đình năm 2014)**
- 3. “Người nào xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự của người khác, thì bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ mười triệu đồng đến ba mươi triệu đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm” (Điều 155 Bộ luật hình sự 2015)**
- 4. “Trong trường hợp có sự mâu thuẫn trong lời khai giữa hai hay nhiều người mà đã tiến hành các biện pháp điều tra khác nhưng chưa giải quyết được mâu thuẫn thì điều tra viên tiến hành đối chất” (Khoản 1, Điều 189, Bộ luật Tố tụng hình sự 2015)**

V. VI PHẠM PHÁP LUẬT VÀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ

CÁC CHỨNG NHẬN, KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ TẠI ĐẠI HỌC HOA SEN



Xác định vi phạm pháp luật?

- **VÍ DỤ 1:** Anh A và anh B là hàng xóm có xích mích với nhau, Anh A rất tức giận và có ý định sẽ đốt nhà anh B
- **VÍ DỤ 2:** Anh C và chị D yêu nhau được 5 năm. Chị D dù sắp cưới anh C tuy nhiên lại có quan hệ qua lại với rất nhiều người đàn ông khác.
- **VÍ DỤ 3:** Anh E thấy chị F đang sắp chết đuối dù biết bơi nhưng lại không cứu. Cuối cùng chị F bị chết đuối.

1. VI PHẠM PHÁP LUẬT

1.1. Vi phạm pháp luật là gì?

Vi phạm pháp luật là hành vi trái pháp luật và có lỗi do chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện làm xâm hại đến các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.

HÀNH VI XÁC ĐỊNH?

**SUY
NGHĨ**

HÀNH ĐỘNG

**VI PHẠM PHÁP
LUẬT**

**Ý
TƯỞNG**

**KHÔNG HÀNH
ĐỘNG**

CÁC CHỨNG NHẬN, KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ TẠI ĐẠI HỌC HOA SEN

93

MOET
ACCREDITED
TRÌNH ĐỘ CHẤT LƯỢNG
GIÁO DỤC QUỐC TẾ

QS STARS[™]
RATING SYSTEM
★★★★★

UN-QA
UNIVERSITY
NATIONAL
QUALITY ASSURANCE

ACBSP
ACCREDITED

FIBAA

NEAS
NATIONAL
EVALUATION AND
ASSURANCE SYSTEM

BEYOND
BOUNDARIES
WITHIN hearts

TÍNH TRÁI PHÁP LUẬT?



LỖI CỦA CHỦ THỂ?

Lỗi là trạng thái tâm lý phản ánh thái độ của chủ thể đối với HV trái PL của mình cũng như hậu quả của hành vi đó

LÝ TRÍ

Khả năng nhận thức

Ý CHÍ

Khả năng điều khiển HV

Thực hiện HV trái PL trong điều kiện nhận thức được
và điều khiển được HV của mình

CÓ LỖI

VI PHẠM PHÁP LUẬT

VI PHẠM PHÁP LUẬT



**LÀ
HÀNH
VI XÁC
ĐỊNH**



**HÀNH VI
CÓ TÍNH
CHẤT
TRÁI
PHÁP
LUẬT**



**CÓ LỖI
CỦA CHỦ
THỂ**

1.2. Các yếu tố cấu thành VPPL

CHỦ THỂ

Là những tổ chức và cá nhân có năng lực trách nhiệm pháp lý

KHÁCH THỂ

Là những quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ bị xâm hại

MẶT KHÁCH QUAN

Là những biểu hiện ra bên ngoài của VPPL (hành vi; hậu quả; MQH nhân quả)

MẶT CHỦ QUAN

Là những biểu hiện tâm lý của chủ thể, bao gồm:

- Lỗi
- Động cơ
- Mục đích

- ❑ **Lỗi cố ý trực tiếp:** Chủ thể VP nhận thấy trước hậu quả, nhưng mong muốn điều đó xảy ra.
- ❑ **Lỗi cố ý gián tiếp:** Chủ thể VP nhận thấy trước hậu quả, tuy không mong muốn nhưng để mặc cho nó xảy ra.
- ❑ **Lỗi vô ý do quá tự tin:** Chủ thể VP nhận thấy trước hậu quả, nhưng hy vọng, tin tưởng điều đó không xảy ra.
- ❑ **Lỗi vô ý do cẩu thả:** Chủ thể VP do khinh suất, cẩu thả mà không nhận thấy trước hậu quả, mặc dù có thể nhận thấy và cần phải nhận thấy trước.

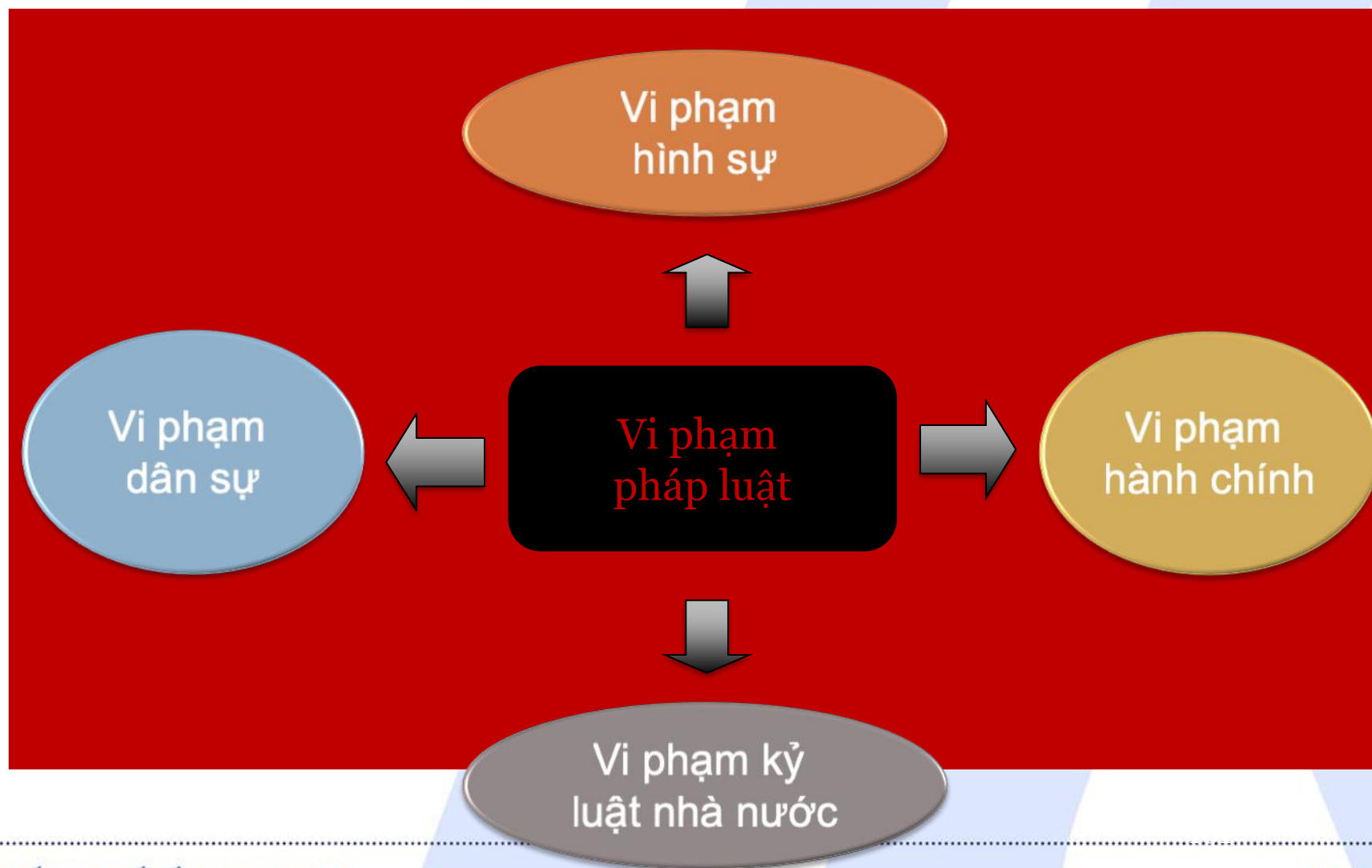
Xác định cấu thành VPPL???

A là cán bộ công chức nhà nước, 25 tuổi, đẹp trai, không mắc bệnh tâm thần. Vì cần tiền để mua quà Noel cho người yêu đã nảy sinh ý định cướp tài sản. Tối ngày 23/12/2012, nhận thấy anh B mất cảnh giác, để chiếc Wave ở vỉa hè trước quán bún bò, A đã nhanh chóng bẻ khóa và phóng vút đi dưới ánh mắt ngỡ ngàng của anh B và mọi người. Đang hoan hỉ vì cướp được tài sản, tuy nhiên, chiếc xe Wave bất ngờ nổ lốp, A ngã lăn ra đường và bị người dân tri hô bắt giữ.

Xác định lỗi???

- Một người dùng súng bắn đạn hơi vào rừng săn thú. Phát hiện thấy một nhân viên kiểm lâm đang bị 1 con lợn rừng hung dữ tấn công, xét thấy tình huống nguy hiểm sẽ xảy ra với nhân viên kiểm lâm, người này đã giương súng bắn lợn rừng. Hậu quả là nhân viên kiểm lâm bị tử vong.
- Một người thợ sửa xe gian manh đã cố tình sửa phanh xe cho một ông khách một cách gian dối, cầu thả; với mục đích là để người khách này còn tiếp tục quay lại tiệm anh ta để sửa xe. Do phanh xe không an toàn nên sau đó chiếc xe đã lao xuống dốc gây chết người.

1.3. Các loại VPPL



2. TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ

2.1. *Khái niệm trách nhiệm pháp lý*

- ***Khía cạnh tích cực***, trách nhiệm có nghĩa là chức trách, công việc được giao, nó bao hàm cả quyền và nghĩa vụ được PL quy định.
- ***Khía cạnh bị động (tiêu cực)***, trách nhiệm pháp lý được hiểu là hậu quả bất lợi (sự phản ứng mang tính chất hình phạt của Nhà nước) mà cá nhân hoặc tổ chức phải gánh chịu khi không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quyền và nghĩa vụ được giao phó.

2.2. Đặc điểm của trách nhiệm pháp lý

- Cơ sở thực tế của trách nhiệm pháp lý là vi phạm PL
- Trách nhiệm pháp lý chứa đựng yếu tố sự lên án của Nhà nước và xã hội đối với các chủ thể VPPL, là sự phản ứng của Nhà nước đối với VPPL;
- Trách nhiệm pháp lý liên quan mật thiết với cưỡng chế Nhà nước;
- Cơ sở pháp lý của việc truy cứu trách nhiệm pháp lý là quyết định có hiệu lực pháp luật của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2.3. Các loại trách nhiệm pháp lý

a/ Phụ thuộc vào cơ quan Nhà nước có thẩm quyền áp dụng

- ☐ Trách nhiệm do Tòa án áp dụng
- ☐ Trách nhiệm do cơ quan quản lý Nhà nước áp dụng

b/ Căn cứ vào mối quan hệ trách nhiệm pháp lý với các ngành luật

- ☐ Trách nhiệm hình sự
- ☐ Trách nhiệm hành chính
- ☐ Trách nhiệm dân sự
- ☐ Trách nhiệm kỷ luật
- ☐ Trách nhiệm vật chất

Xác định lỗi

Xác định trách nhiệm pháp lý

- ☐ C đi ô tô, đỗ xe trên dốc, chạy nhanh vào tiệm ăn để mua cơm. Do sợ muộn giờ làm, quá vội vã nên lúc đỗ xe quên kéo phanh tay. Lúc quay ra thì xe ô tô trôi xuống dốc đè nát chiếc xe máy của chị D.
- ☐ Một người bán quán lẩu, sử dụng bếp gas để bàn cho khách sử dụng. Do để tiết kiệm chi phí, người chủ quán đã sử dụng bình gas mini cũ đã hoen rỉ và không đảm bảo an toàn (người chủ quán biết điều này nhưng vẫn cố tính sử dụng, và mong muốn không có hậu quả đáng tiếc xảy ra). Hậu quả là bình gas phát nổ, gây bỏng nặng cho thực khách.

1. Bà A có một vườn sầu riêng rộng 3000m^2 nhưng không làm hàng rào. Tối 20/12/2006 C và D rủ nhau vào vườn bà A tâm sự, C bị sầu riêng rơi trúng đầu gây thương tật với tỷ lệ 30%.
2. H, 45 tuổi, bị bệnh tâm thần, rất thích ăn khoai nướng. Trưa 12/11/2005, H đã đốt nhà hàng xóm để nướng khoai.
3. Tối 27/4, K (26 tuổi, quê ở Đồng Nai) điều khiển xe ben đi từ đường Nguyễn Thị Định (Quận 2) hướng ra xa lộ Hà Nội, khi qua khỏi cầu Giồng Ông Tố, K cho xe lấn trái, vượt lên trên xe ô tô đang chạy phía trước không may đụng trực diện vào xe gắn máy do anh T điều khiển đi chiều ngược lại. Tai nạn anh T chết ngay tại chỗ.

VI. THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VÀ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT

CÁC CHỨNG NHẬN, KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ TẠI ĐẠI HỌC HOA SEN



1. THỰC HIỆN PHÁP LUẬT

1.1. Định nghĩa

Thực hiện pháp luật là quá trình có mục đích làm cho những quy định của pháp luật trở thành hành động thực tế hợp pháp của chủ thể pháp luật.

1.2. Đặc điểm

- ☐ Là một trong những hình thức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của NN; là hoạt động sử dụng các quyền, và thực thi các nghĩa vụ mà PL quy định cho cá nhân và tổ chức.
- ☐ Là hoạt động có mục đích nhằm hiện thực hóa các quy định của PL
- ☐ Thực hiện PL là hành vi hợp pháp của các chủ thể PL

1.3. Các hình thức thực hiện pháp luật

- ***Tuân thủ pháp luật:*** Các chủ thể PL kiềm chế không tiến hành những hoạt động mà pháp luật cấm.
- ***Thi hành pháp luật:*** Các chủ thể PL thực hiện nghĩa vụ pháp lý của mình bằng hành động tích cực.
- ***Sử dụng pháp luật:*** Các chủ thể PL thực hiện quyền chủ thể của mình (thực hiện những hành vi mà pháp luật cho phép)
- ***Áp dụng pháp luật***

1.3. Các hình thức thực hiện pháp luật



2. ÁP DỤNG PHÁP LUẬT

2.1. Định nghĩa

Là một hình thức thực hiện PL, trong đó Nhà nước thông qua các cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc nhà chức trách tổ chức cho các chủ thể pháp luật thực hiện những quy định của PL, hoặc tự mình căn cứ vào những quy định của PL để tạo ra các quyết định làm phát sinh, thay đổi, đình chỉ hoặc chấm dứt những quan hệ PL cụ thể.

2.2. Đặc điểm áp dụng pháp luật

- Áp dụng PL mang tính tổ chức, quyền lực NN
- Áp dụng PL là hoạt động được thực hiện theo thủ tục do PL quy định chặt chẽ
- Áp dụng PL là hoạt động điều chỉnh cá biệt, cụ thể đối với các quan hệ xã hội.
- Áp dụng PL là hoạt động có tính sáng tạo

2.3. Các trường hợp áp dụng pháp luật

- Khi có vi phạm pháp luật xảy ra
- Khi có tranh chấp về quyền và nghĩa vụ pháp lý mà các chủ thể không tự giải quyết được
- Khi các quy định của PL không thể mặc nhiên được thực hiện bởi các CT khác nếu không có sự can thiệp mang tính tổ chức của NN.
- Trong trường hợp NN thấy cần thiết phải tham gia vào một số QHPL cụ thể với mục đích kiểm tra, giám sát nhằm bảo đảm tính đúng đắn của HV các chủ thể hay xác nhận sự tồn tại hay không tồn tại một sự kiện.

2.4. Các giai đoạn của quá trình ADPL

- Phân tích, đánh giá đúng, chính xác những tình tiết, hoàn cảnh, điều kiện của vụ việc thực tế đã xảy ra.
- Lựa chọn quy phạm pháp luật phù hợp và phân tích làm sáng tỏ nội dung, ý nghĩa của quy phạm PL đối với trường hợp cần áp dụng.
- Ra văn bản áp dụng PL.
- Tổ chức thực hiện quyết định áp dụng PL.

Văn bản QPPL và ADPL

- Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Quyết định số 1037 xử phạt VPHC 300.000 VNĐ với anh Nguyễn Văn A vì lỗi vượt đèn đỏ;
- Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Quyết định số 415/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hải Dương về việc thành lập Trung tâm Xúc tiến Đầu tư – Thương mại và Du lịch tỉnh Hải Dương;
- Nghị định 96/2015/NĐ-CP hướng dẫn Luật Doanh nghiệp 2015.

Xác định bộ phận của QPPL sau

Nêu hình thức thực hiện QPPL trên

- ☐ Bên bảo lãnh có quyền yêu cầu bên được bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ đối với mình trong phạm vi nghĩa vụ bảo lãnh đã thực hiện, trừ trường hợp có thỏa thuận khác” (Điều 340 BLDS 2015).
- ☐ Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng các thủ đoạn khác nhằm chiếm đoạt tài sản hoặc tài sản, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm.” (Khoản 1 Điều 282 Bộ luật hình sự 2015)

VII. QUAN HỆ PHÁP LUẬT

CÁC CHỨNG NHẬN, KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ TẠI ĐẠI HỌC HOA SEN



1. Khái niệm quan hệ pháp luật
2. Thành phần của quan hệ pháp luật
3. Các điều kiện làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật

1. Khái niệm quan hệ pháp luật

- a. Định nghĩa quan hệ pháp luật
- b. Đặc điểm của quan hệ pháp luật
- c. Phân loại quan hệ pháp luật

a. Định nghĩa quan hệ pháp luật

Quan hệ pháp luật là các quan hệ xã hội được các quy phạm pháp luật điều chỉnh làm cho các bên tham gia có quyền và nghĩa vụ pháp lý.

b. Đặc điểm của quan hệ pháp luật

Cho các quan hệ xã hội sau:

1, Công dân A (nam giới, 20 tuổi) và công dân B (nữ giới, 18 tuổi), còn độc thân, thương yêu nhau, cùng nhau tới nhà thờ tổ chức lễ cưới.

2, Chị X (45 tuổi) làm nội trợ, ra chợ mua rau muống.

3, P là kỹ sư xây dựng, 30 tuổi, tới cơ quan nhà nước đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân.

Hãy xác định: Đây là quan hệ pháp luật? Điểm khác biệt giữa quan hệ pháp luật với các quan hệ xã hội khác?

Nhận xét

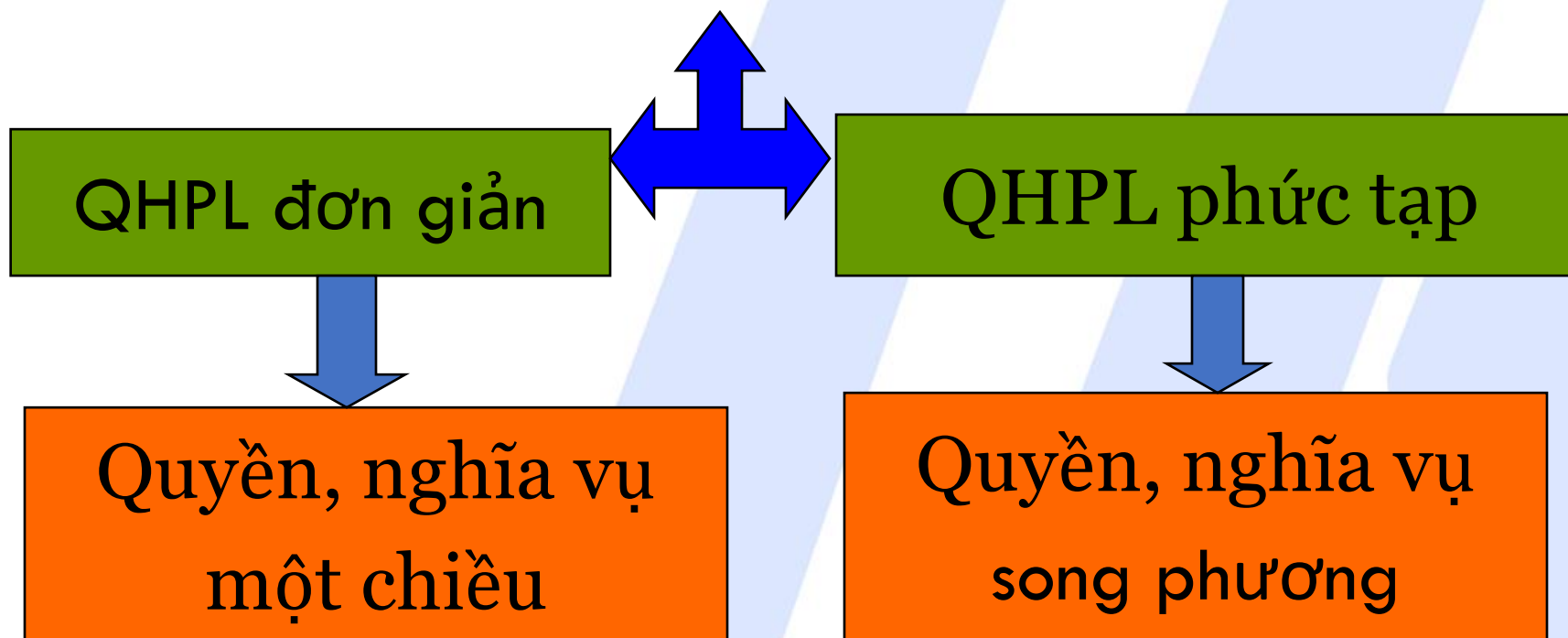


CÁC CHỨNG NHẬN, KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ TẠI ĐẠI HỌC HOA SEN



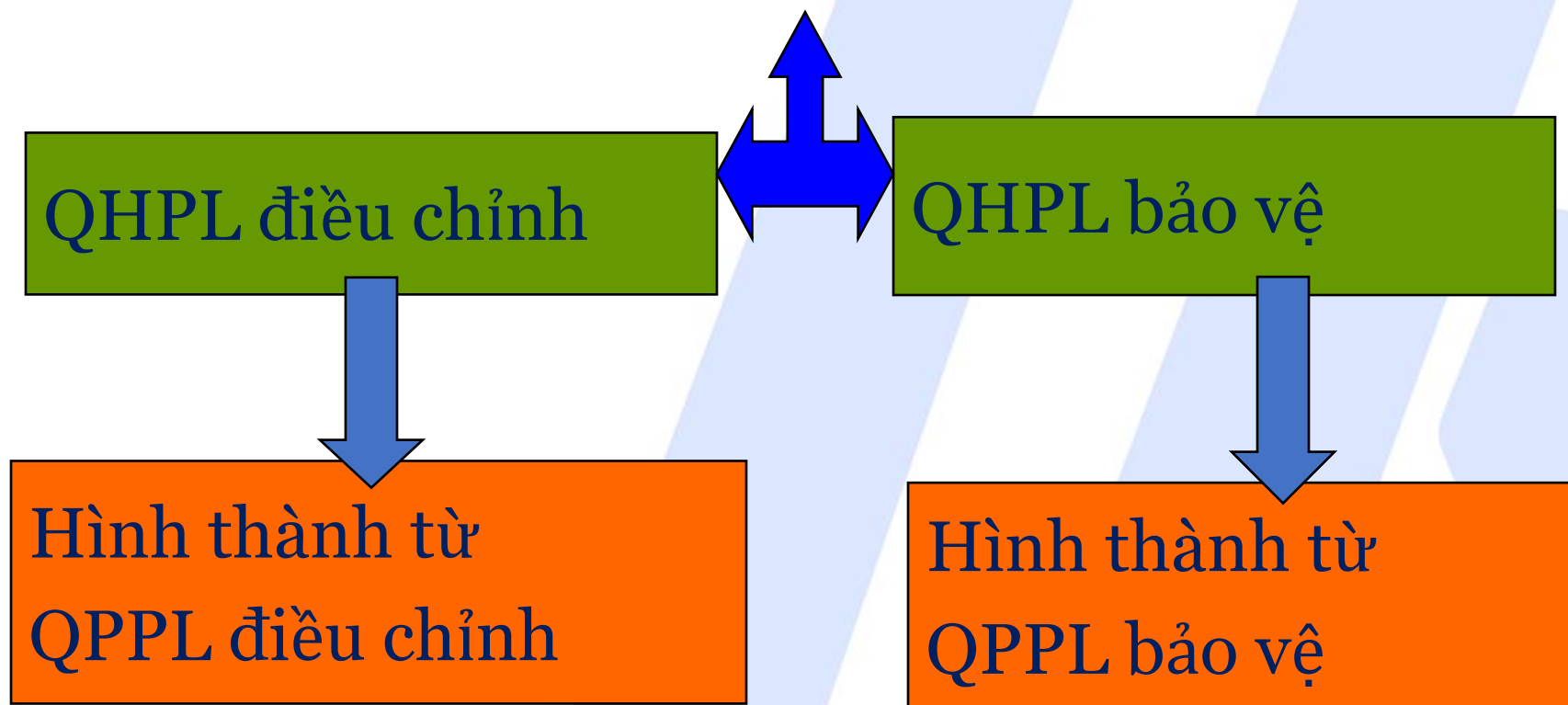
c. Phân loại quan hệ pháp luật

- Căn cứ vào đặc điểm, tính chất của quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia



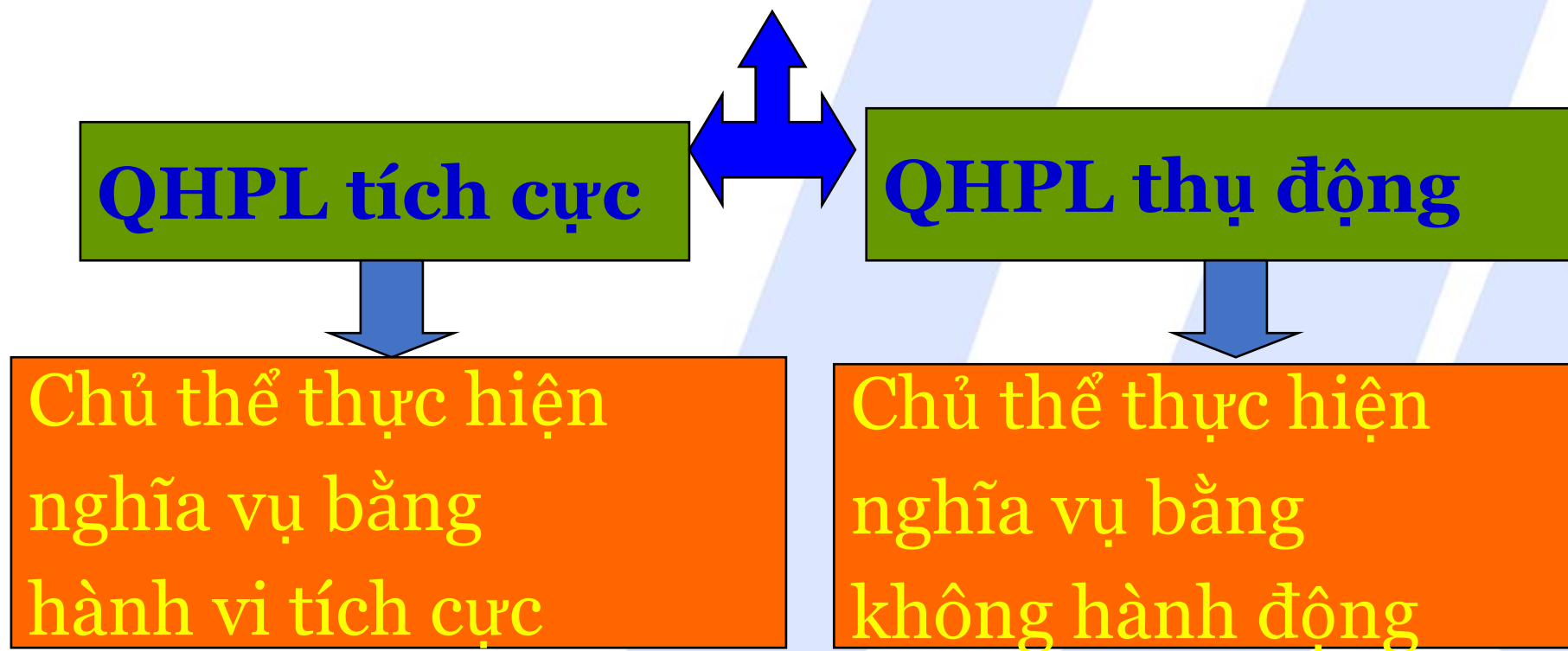
c. Phân loại quan hệ pháp luật (tiếp)

- Căn cứ vào đặc trưng của sự tác động



Phân loại quan hệ pháp luật

- Căn cứ vào tính chất, nghĩa vụ pháp lý

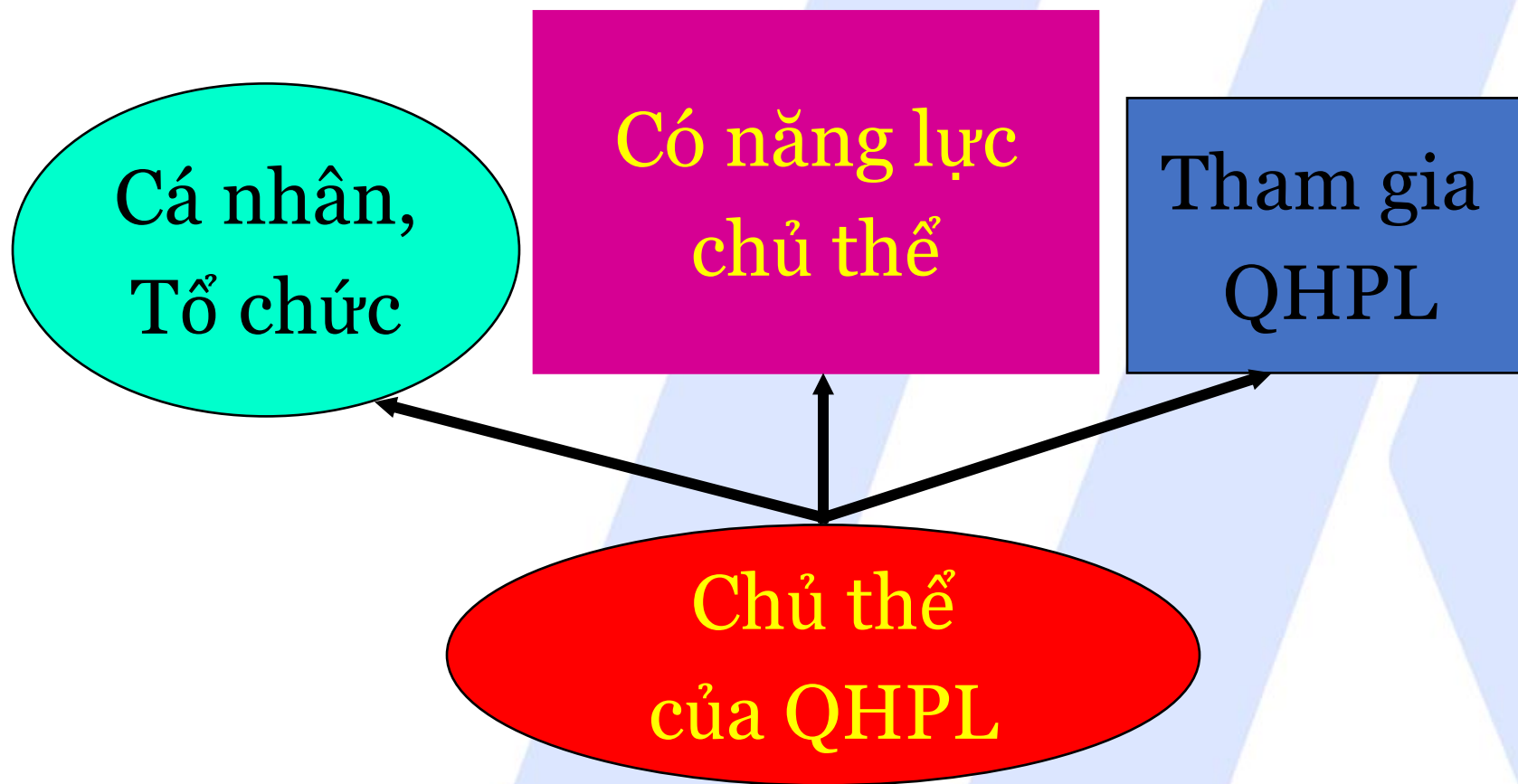


2. Thành phần của quan hệ pháp luật

- a. Chủ thể của quan hệ pháp luật
- b. Nội dung của quan hệ pháp luật
- c. Khách thể của quan hệ pháp luật

a. Chủ thể của QHPL

* Khái niệm



* Năng lực chủ thể của QHPL

Gồm hai yếu tố:

- + Năng lực pháp luật: là khả năng chủ thể có các quyền hoặc nghĩa vụ pháp lý nhất định theo quy định của pháp luật.
- + Năng lực hành vi: là khả năng của chủ thể bằng hành vi của mình tham gia quan hệ pháp luật và thực hiện quyền, nghĩa vụ pháp lý theo quy định của pháp luật.

* So sánh NLPL và NLHV

Yếu tố	Giống nhau	Khác nhau
Năng lực pháp luật	Là khả năng của chủ thể Theo quy định của pháp luật	Là khả năng của chủ thể Theo quy định của pháp luật
Năng lực hành vi		NLHV: khả năng bằng hành vi của mình thực hiện quyền và nghĩa vụ

Thời điểm xuất hiện, chấm dứt các yếu tố thuộc năng lực chủ thể của cá nhân

Yếu tố Thời điểm	Năng lực pháp luật	Năng lực hành vi
Xuất hiện	Thông thường là từ lúc được sinh ra	Độ tuổi Khả năng nhận thức
Chấm dứt	Khi cá nhân đó chết	Khi cá nhân chết hoặc theo quy định của pháp luật

Thời điểm xuất hiện, chấm dứt các yếu tố thuộc năng lực chủ thể của tổ chức

Yếu tố Thời điểm	Năng lực pháp luật	Năng lực hành vi
Xuất hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Xuất hiện đồng thời khi tổ chức được thành lập hợp pháp; - Phạm vi: theo quy định của PL 	
Chấm dứt	<p>Khi tổ chức chấm dứt sự tồn tại: (giải thể, phá sản v.v..)</p>	

b. Nội dung của QHPL

Quyền chủ thể

- Khả năng thực hiện hành vi nhất định do quy phạm pháp luật tương ứng quy định.
- Khả năng yêu cầu chủ thể khác tôn trọng quyền, nghĩa vụ; chấm dứt hành vi cản trở quyền, nghĩa vụ.
- Khả năng yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền can thiệp, bảo vệ quyền, lợi ích.

b. Nội dung của QHPL (tiếp)

Nghĩa vụ chủ thể

Phải thực hiện một số yêu cầu nhất định do QPPL xác định nhằm đáp ứng yêu cầu của chủ thể khác.

Kiểm chế không thực hiện hành vi bị cấm.

Phải chịu trách nhiệm pháp lý khi xử sự không đúng quy định của pháp luật.

c. Khách thể của QHPL



3. Các yếu tố làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật

Xem xét các tình huống sau:

Tình huống 1: Năm 1990, trường hợp nhiễm HIV đầu tiên được phát hiện Việt Nam. Năm 1995, anh C (quê ở tỉnh A) thấy sức khỏe có dấu hiệu giảm sút bèn đi làm một số xét nghiệm và nhận được kết luận đã bị nhiễm HIV. Đau xót và hận đời, C thực hiện hành vi cố ý lây truyền HIV cho người khác.

Theo anh (chị), giữa C và nhà nước có phát sinh quan hệ pháp luật hình sự hay không? Tại sao?

Năm 1993, anh K và chị H tổ chức lễ cưới nhưng do công việc bận rộn, đi làm xa quê nên không đăng ký kết hôn. Tháng 01/2004, chị H về quê, rủ anh K về cùng để đăng ký thì K nói bận không về được, vả lại không cần thiết phải đăng ký vì đã có 2 mặt con với nhau. H không yên tâm nên đã nhờ một người quen tới UBND xã, tự nhận là K để ký vào giấy đăng ký kết hôn cho mình. Sau đó H về kể lại với K, K rất tức giận, giữa hai người phát sinh mâu thuẫn. Thời gian sau, họ gửi đơn ra tòa xin ly hôn.

Theo anh (chị), giữa K và H có phát sinh quan hệ vợ chồng hay không?
Tại sao?

Ông M là giám đốc Công ty TNHH An Khang. Ông M có người hàng xóm là N, bị bệnh tâm thần dạng nhẹ nhưng tính tình hiền lành. Thấy gia đình anh N khó khăn, M đã ký một hợp đồng lao động tuyển dụng N làm nhân viên tạp vụ. Một hôm làm việc, do sơ suất, N đã làm vỡ màn hình máy tính trong phòng hành chính của công ty.

Theo đồng chí, giữa N và Công ty TNHH An Khang có phát sinh quan hệ pháp luật lao động, quan hệ pháp luật về bồi thường thiệt hại hay không? Tại sao?

VIII. Ý THỨC PHÁP LUẬT

CÁC CHỨNG NHẬN, KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ TẠI ĐẠI HỌC HOA SEN



1. Khái niệm và cấu trúc ý thức pháp luật

Ý thức pháp luật là tổng thể những học thuyết, tư tưởng, tình cảm của con người thể hiện thái độ, sự đánh giá về tính công bằng hay không công bằng, đúng đắn hay không đúng đắn của pháp luật hiện hành, pháp luật trong quá khứ và pháp luật cần phải có, về tính hợp pháp hay không hợp pháp trong cách xử sự của con người, trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức.

1. Khái niệm và cấu trúc ý thức pháp luật

Ý thức pháp luật được cấu thành từ hai bộ phận: tư tưởng pháp luật và tâm lý pháp luật.

- Tư tưởng pháp luật là tổng thể những tư tưởng, quan điểm, phạm trù, khái niệm, học thuyết về pháp luật, tức là mọi vấn đề lý luận về pháp luật, về thượng tầng kiến trúc pháp lý của xã hội.

- Tâm lý pháp luật được thể hiện qua thái độ, tình cảm, tâm trạng, xúc cảm đối với pháp luật và các hiện tượng pháp lý khác, được hình thành một cách tự phát thông qua giao tiếp và dưới tác động của các hiện tượng pháp lý, phản ứng một cách tự nhiên của con người đối với các hiện tượng đó.

2. Các biện pháp nâng cao ý thức pháp luật

- Thực hiện tốt công tác giáo dục pháp luật
- Đẩy mạnh hoạt động xây dựng pháp luật
- Thường xuyên, kiên trì tiến hành công tác kiểm tra, giám sát và thực hiện pháp luật.
- Cần phổ biến và giáo dục pháp luật cho các tầng lớp cư dân qua các phương tiện thông tin đại chúng